

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67/2022/DS-PT**

Ngày 15 - 4 - 2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Hà.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Phước Hưng  
Ông Đào Chí Keo

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Ông Đỗ Phước Thành-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 253/2021/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2022/QĐPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1957;

Địa chỉ cư trú: Tổ 08, khóm VQ, thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh AG;

Địa chỉ tạm trú: Đường số 3, Khu dân cư BHH H, phường MH, thành phố L X, tỉnh AG (Xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1976;

Địa chỉ cư trú: Số 233, tổ 19, ấp BH, xã BL, huyện CP, tỉnh AG (Có mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Trần Văn T là bị đơn trong vụ án.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn là bà Nguyễn Kim P trình bày:

Vào ngày 10/8/2017, bà P có cho ông Trần Văn T vay số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, đóng lãi hàng tháng, thời hạn trả đến ngày 10/8/2018. Khi

vay ông T có thể chấp (không làm hợp đồng thế chấp) cho bà P 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03903QSDĐ/dF do UBND huyện Châu Phú cấp ngày 25/12/2002 cho ông Trần Văn T với diện tích 107,2m<sup>2</sup>, thửa đất số 23, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Sau khi vay, ông T chỉ đóng lãi cho bà P được 1.000.000 đồng, còn ông T khai đã đóng lãi liên tục hàng tháng với lãi suất 6%/tháng, bà P không thừa nhận. Đến nay đã hết hạn hợp đồng nhưng ông T không trả vốn, lãi cho bà P. Bà P yêu cầu ông T trả số tiền vốn 12.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 10/8/2017 đến khi ông T trả hết nợ. Sau khi ông T trả hết nợ, bà P sẽ trả lại cho ông T 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp.

Việc ông T cung cấp cho Tòa án giấy xác nhận vay vốn ghi số tiền vay 12.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 12 tháng không ghi ngày tháng năm được làm trước khi ký Biên nhận vay ngày 10/8/2017 nên giấy xác nhận vay vốn này không còn giá trị. Yêu cầu Tòa án buộc ông T trả vốn và lãi căn cứ theo Biên nhận ngày 10/8/2017. Bà P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Trần Văn T trình bày:

Ông T thừa nhận vào ngày 10/8/2017 có vay của bà P số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng (nghĩa là vay 10.000.000 đồng thì mỗi tháng trả lãi 600.000 đồng). Ông T có thể chấp (không làm hợp đồng thế chấp) cho bà P 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03903QSDĐ/dF do UBND huyện Châu Phú cấp ngày 25/12/2002 cho ông Trần Văn T với diện tích 107,2m<sup>2</sup>, thửa số 23, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Sau khi vay, ông T đã trả lãi hàng tháng liên tục đến tháng 10/2020 nhưng không làm biên nhận trả tiền lãi.

Ông T bắt đầu vay tiền của bà P vào năm 2015 với tiền vốn ban đầu 10.000.000 đồng, có làm biên nhận vay tiền, hàng tháng đóng lãi 600.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn vay. Sau đó, ông T đi làm xa nên nợ bà P tiền lãi 2.000.000 đồng. Ông T và bà P thống nhất dứt biên nhận nợ lần thứ nhất và làm lại biên nhận nợ lần thứ hai (không nhớ ngày tháng năm) với nội dung vay của bà P số tiền 12.000.000 đồng; bà P thống nhất chỉ lấy lãi trên số tiền vốn 10.000.000 đồng (lãi 600.000 đồng/tháng), sau đó ông T đóng lãi đầy đủ hàng tháng. Thời gian sau (không nhớ ngày tháng năm), ông T và bà P làm lại biên nhận nợ lần thứ ba với nội dung có nợ bà P 12.000.000 đồng. Sau khi làm biên nhận nợ lần thứ ba thì ông T đều đóng lãi 600.000 đồng/tháng cho bà P nhưng do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên ông T nợ 02 tháng tiền lãi mới dẫn đến bà P khởi kiện ra Tòa án. Ông T không nhớ tổng tiền lãi đã trả cho bà P là bao nhiêu, ông không đồng ý với việc bà P khai chỉ đóng lãi 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông T khai giữa ông T và bà P có ký biên nhận vay tiền ghi số tiền vay là 12.000.000 đồng, thực tế gồm tiền vốn 10.000.000 đồng và tiền lãi 2.000.000 đồng; lãi suất 6%/tháng (600.000 đồng/tháng); thời hạn vay 12 tháng nhưng thỏa thuận nếu đến hạn ông T chưa trả được vốn thì sẽ tiếp tục trả lãi. Vay để sử dụng vào mục đích cá nhân. Sau đó, ông T đã trả lãi cho bà P 600.000

đồng/tháng tính từ khi vay cho đến khoảng tháng 5/2021 thì ngưng trả lãi do dịch bệnh Covid-19.

Ông T thừa nhận việc vay tiền của bà P vào ngày 10/8/2017 nhưng không thừa nhận đã ký trong Biên nhận vay tiền ngày 10/8/2017. Ông T không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong Biên nhận vay tiền ngày 10/8/2017. Về giấy xác nhận vay vốn ông T đã cung cấp cho Tòa án do chính ông T ghi nhưng không có ghi ngày tháng năm, đây là giấy tờ vay được ông T và bà P ký lần cuối cùng, trong đó ghi nội dung số tiền vay là 12.000.000 đồng, lãi 600.000đ/tháng, thời hạn vay 12 tháng.

Nay ông T đồng ý trả cho bà P số tiền nợ vay 12.000.000 đồng và yêu cầu bà P không tính lãi, xin hoãn cho qua Tết âm lịch 2022 sẽ bắt đầu trả cho bà P mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ vay 12.000.000 đồng. Sau khi ông T trả hết số tiền 12.000.000 đồng thì yêu cầu bà P trả lại 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 253/2021/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim P.

1. Buộc ông Trần Văn T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Kim P số tiền nợ vay tổng cộng là 25.590.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng), trong đó bao gồm:

- Tiền vốn vay: 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng);
- Tiền lãi tính từ ngày 10/8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/12/2021) là 13.590.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng).

2. Bà Nguyễn Kim P có trách nhiệm trả lại cho ông Trần Văn T 01 (Một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 03903QSDĐ/dF do UBND huyện Châu Phú cấp ngày 25/12/2002 cho ông Trần Văn T, đối với diện tích đất 107,2 m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 23, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu 1.279.500 đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13 tháng 01 năm 2022 ông Trần Văn T nộp Đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho ông trả nợ gốc số tiền 12.000.000 đồng, ông không đồng ý trả lãi, vì ông đã đóng lãi đầy đủ cho bà P. Bà P khai ông chỉ đóng lãi 1.000.000 đồng là không đúng.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng

pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thủ ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 253/2021/DS-ST ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim P.

Buộc ông Trần Văn T phải trả cho bà Nguyễn Kim P số tiền nợ 21.548.000 đồng (Vốn vay 12.000.000 đồng, lãi 9.548.000 đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm ông T phải chịu 1.077.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn thi hành án ông T còn phải chịu khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn T kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Kim P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là ông Trần Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho ông trả nợ gốc số tiền 12.000.000 đồng, ông không đồng ý trả lãi, vì ông đã đóng lãi đầy đủ cho bà P. Bà P khai ông chỉ đóng lãi 1.000.000 đồng là không đúng.

[3] Về kháng cáo của ông T, xét thấy bà P yêu cầu ông T trả số tiền gốc 12.000.000 đồng vay vào ngày 10/8/2017 và được ông T thừa nhận nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông T trả cho bà P số tiền gốc 12.000.000 đồng là có căn cứ.

Ông T cho rằng giấy xác nhận vay vốn không ghi ngày tháng năm mà ông T đã cung cấp cho Tòa án được lập sau Biên nhận ngày 10/8/2017 nhưng bà P trình bày giấy xác nhận vay vốn mà ông T cung cấp cho Tòa án được làm trước khi ký Biên nhận ngày 10/8/2017 nên giấy xác nhận vay vốn này không còn giá trị. Ngoài lời trình bày ra, ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh Giấy xác nhận vay vốn không ghi ngày tháng năm được lập sau Biên nhận ngày 10/8/2017 nên cần xác định thời gian bà P cho ông T vay tiền là ngày 10/8/2017 để làm cơ sở tính lãi. Về lãi suất, ông T cho rằng đã trả lãi cho bà P mỗi tháng 600.000 đồng tính từ khi vay đến tháng 5/2021 nhưng bà P không thừa nhận và ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên căn cứ lời thừa nhận của bà P là ông T đã trả lãi cho bà P số tiền 1.000.000 đồng để xem xét khấu trừ. Về lãi suất theo Biên nhận ngày 10/8/2017 hai bên thỏa thuận 2%/tháng (24%/năm) là vượt quá lãi suất quy

định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phần lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi quá hạn với số tiền 12.000.000 đồng từ ngày 11/8/2018 đến ngày 30/12/2021 là 3 năm 4 tháng 19 ngày với lãi suất 20%/năm x 150% với số tiền 12.190.000đ là vượt quá thỏa thuận ban đầu và không phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó, cần tính lãi đối với số tiền 12.000.000 đồng từ ngày 10/8/2017 đến ngày xét xử (Ngày 30/12/2021) là 04 năm 04 tháng 19 ngày với lãi suất 20%/năm bằng 10.526.000 đồng được khấu trừ số tiền lãi 1.000.000 đồng đã trả nên ông T còn phải trả lãi cho bà P số tiền 9.526.000 đồng.

Như vậy, ông T phải trả cho bà P số tiền (Gốc 12.000.000 đồng và lãi là 9.526.000 đồng) 21.526.000 đồng.

[4] Về án phí: Ông T phải chịu 1.076.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Kim P là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử thống nhất miễn án phí cho bà P.

Yêu cầu kháng cáo của ông T được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, ông T được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các phần khác của bản án các đương sự không có kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông T. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 253/2021/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú như đã nhận định trên và đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 308, Điều 315 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 463, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 253/2021/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Kim P.

Buộc ông Trần Văn T phải trả cho bà Nguyễn Kim P số tiền (Gốc là 12.000.000 đồng và lãi là 9.526.000 đồng) 21.526.000 đồng (Hai mươi một triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

4. Bà Nguyễn Kim P phải trả lại cho ông Trần Văn T 01 (Một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03903QSDĐ/dF do UBND huyện Châu

Phủ cấp cho ông Trần Văn T ngày 25/12/2002 với diện tích 107,2m<sup>2</sup>, thửa số 23, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

**5. Về án phí:**

5.1 Ông Trần Văn T phải chịu 1.076.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5.2 Bà Nguyễn Kim P được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5.3 Ông Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, ông T được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003446 ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Kể từ ngày 31/12/2021 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Châu Phú ;
- TAND.H.Châu Phú
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thúy Hà**